

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/KDTM-ST

Ngày: 23-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN,
TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2025/TLST-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên D1; Địa chỉ: Số A, khu B, ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Thúc Đ, sinh năm 1988 và/hoặc bà Đỗ Lệ H, sinh năm 1998; Địa chỉ liên hệ: Số D, đường số I, Trung tâm hành chính D2, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (là đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 07/01/2025); Ông Đ vắng mặt có đơn xin vắng mặt, bà H có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH T2; Địa chỉ: Số B đường B, khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Minh T, sinh năm 1961 và ông Chen Hua P, sinh năm 1961; Cùng địa chỉ: Công ty TNHH T2; Địa chỉ: Số B đường B, khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; (là đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 03/3/2025 và ngày 23/5/2025); Ông T, ông P có mặt.

Người phiên dịch: Bà Huỳnh Thị Thúy D, sinh năm 2000 hiện là nhân viên Công ty TNHH T2; Bà D có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện nộp ngày 11/02/2025, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên D1 do bà Đỗ Lệ H đại diện trình bày:*

Công ty TNHH MTV D1 (sau đây viết tắt là Công ty D1) và Công ty TNHH T2 (sau đây viết tắt là Công ty T3) có ký kết với nhau Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 010124 – HDLL/TG ngày 01/01/2024.

Thực hiện theo hợp đồng, Công ty L dịch vụ bảo vệ cho Công ty T3 từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024, Công ty T3 có trách nhiệm thanh toán phí bảo vệ hàng tháng trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ khi nhận được hoá đơn tài chính do Công ty L1 hóa đơn hợp lệ. Theo Điều 6.1 Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số: 010124-HDLL/TG ngày 01/01/2024 thì hai bên thoả thuận Công ty D1 sẽ áp dụng lãi suất chậm thanh toán đối với việc Công ty T3 vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Công ty D1 với mức lãi suất 1.5%/tháng/phí dịch vụ/số ngày chậm thanh toán không đúng với quy định của Hợp đồng. Công ty D1 đã cung cấp dịch vụ bảo vệ cho Công ty T3 hàng tháng theo đúng nội dung đã thoả thuận tại hợp đồng.

Hiện nay, Hợp đồng đã hết thời hạn và các bên không gia hạn hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty T3 đã không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Công ty D1. Căn cứ vào bảng đối chiếu công nợ ngày 30/12/2024, kể từ ngày 31/7/2024 đến 30/12/2024, Công ty T3 đã không thanh toán cho Công ty D1 mặc dù Công ty D1 đã cung cấp hoá đơn tài chính hợp lệ. Tổng số tiền phí dịch vụ bảo vệ Công ty T3 chưa thanh toán cho Công ty D1 là 275.400.000 đồng.

Công ty D1 đã nhiều lần liên hệ công ty T3 để yêu cầu thanh toán phí dịch vụ bảo vệ chưa thanh toán, tuy nhiên, đến nay Công ty T3 vẫn không trả cho Công ty D1. Việc không thanh toán phí dịch vụ bảo vệ của Công ty T3 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số: 010124-HDLL/TG ngày 01/01/2024 mà hai bên đã ký kết, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty D1.

Nay nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc Công ty TNHH T2 trả cho Công ty TNHH Một Thành Viên D1 tổng số tiền tính đến ngày 23/5/2025 là 299.336.850 gồm:

- Tiền phí bảo vệ còn nợ là: 275.400.000 đồng.
- Lãi chậm thanh toán tính đến ngày 23/5/2025 (theo các hoá đơn giá trị gia tăng ngày 31/7/2024 đến ngày 31/12/2024) là 23.936.850, cụ thể:
 - + Hóa đơn tháng 7, tính từ ngày 15/09/2024 đến ngày 23/5/2025 (250 ngày), tạm tính số lãi chậm trả là: $(1.5\% \times 45.900.000)/30 \times 250 = 5.737.500$ đồng;
 - + Hoá đơn tháng 8, tính từ ngày 15/10/2024 đến ngày 23/5/2025 (220 ngày), tạm tính số tiền lãi chậm trả là: $(1.5\% \times 45.900.000)/30 \times 220 = 5.049.000$ đồng;
 - + Hoá đơn tháng 9, tính từ ngày 15/11/2024 đến ngày 23/5/2025 (189 ngày), tạm tính số tiền lãi chậm trả là: $(1.5\% \times 45.900.000)/30 \times 189 = 4.337.550$ đồng;
 - + Hoá đơn tháng 10, tính từ ngày 15/12/2024 đến ngày 23/5/2025 (159 ngày), tạm tính số tiền lãi chậm trả là: $(1.5\% \times 45.900.000)/30 \times 159 = 3.649.050$ đồng;
 - + Hoá đơn tháng 11, tính từ ngày 15/01/2025 đến ngày 23/5/2025 (128 ngày), tạm tính số tiền lãi chậm trả là: $(1.5\% \times 45.900.000)/30 \times 128 = 2.937.600$ đồng;

+ Hoá đơn tháng 12, tính từ ngày 15/02/2025 đến ngày 23/5/2025 (97 ngày), tạm tính số tiền lãi chậm trả là: $(1.5\% \times 45.900.000)/30 \times 97 = 2.226.150$ đồng.

Đồng thời, Công ty TNHH T2 phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số: 010124-HDLL/TG ngày 01/01/2024 là 1.5%/tháng kể từ ngày 24/5/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả.

Án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn Công ty TNHH T2 do ông Chen Hua P và ông Phạm Minh T đại diện thống nhất trình bày:*

Công ty D1 và Công ty T3 có ký kết với nhau Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 010124 – HDLL/TG ngày 01/01/2024. Theo hợp đồng, Công ty D1 sẽ cung cấp dịch vụ bảo vệ cho Công ty T3 từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024; Đồng thời, Công ty T3 có trách nhiệm thanh toán phí bảo vệ hàng tháng trong vòng 45 (bốn lăm) ngày kể từ khi nhận được hoá đơn tài chính do Công ty D1 hóa đơn hợp lệ. Nếu Công ty T3 vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì sẽ phải chịu lãi suất chậm thanh toán với mức 1.5%/tháng/phi dịch vụ/số ngày chậm thanh toán không đúng với quy định của Hợp đồng.

Hiện nay, Hợp đồng đã hết thời hạn và các bên không gia hạn hợp đồng. Phí bảo vệ 01 tháng là 42.500.000 đồng, gồm VAT là 3.400.000 đồng (8%) tổng cộng là 45.900.000 đồng/tháng (từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024).

Công ty D1 có xuất hoá đơn đầy đủ, đúng hạn cho Công ty T3. Công ty D1 đã xuất 12 hoá đơn cho Công ty T3, cụ thể:

01. Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000100 ngày 31/01/2024;
02. Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000248 ngày 29/02/2024;
03. Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000404 ngày 30/3/2024;
04. Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000473 ngày 27/4/2024;
05. Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000689 ngày 31/5/2024;
06. Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000835 ngày 29/6/2024;
07. Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000963 ngày 31/7/2024;
08. Hóa đơn giá trị gia tăng số 00001135 ngày 31/8/2024;
09. Hóa đơn giá trị gia tăng số 00001276 ngày 30/9/2024;
10. Hóa đơn giá trị gia tăng số 00001424 ngày 31/10/2024;
11. Hóa đơn giá trị gia tăng số 00001566 ngày 30/11/2024;
12. Hóa đơn giá trị gia tăng số 00001688 ngày 30/12/2024;

Công ty T3 đã thanh toán cho Công ty D1 06 hoá đơn từ ngày 31/01/2024 đến ngày 29/6/2024, còn 06 hoá đơn từ ngày 31/7/2024 đến ngày 30/12/2024 còn lại chưa thanh toán. Lý do là thời điểm này bị đơn gặp khó khăn nên có xin nguyên đơn cho trả chậm, hai bên chỉ thoả thuận miệng không lập biên bản.

Đến tháng 12/2024, trong quá trình Công ty D1 thực hiện hợp đồng bảo vệ thì có xảy ra các vụ việc trộm cắp. Công ty đã trình báo lên Đồn Công an khu công nghiệp Sóng Thần nên cần chờ kết quả điều tra mới có cơ sở thanh toán nốt cho nguyên đơn. Bị đơn đang yêu cầu Cơ quan công an xem xét giải quyết việc mất trộm tài sản nêu trên và Cơ quan công an đang tiến hành các hoạt động điều tra. Bị đơn xác định không yêu cầu cơ quan nào khác xem xét giải quyết việc mất trộm tài sản nêu trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn chỉ đồng ý trả 265.400.000 đồng tiền gốc và trả vào ngày 30/6/2025, bị đơn không đồng ý trả tiền lãi.

Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến yêu cầu gì khác.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và thẩm tra công khai tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty D1 là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Công ty D1 khởi kiện yêu cầu Công ty T3 thanh toán phí dịch vụ bảo vệ và lãi suất chậm thanh toán theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 010124 – HDLL/TG ngày 01/01/2024 đối với các hoá đơn từ ngày 31/7/2024 đến ngày 31/10/2024. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”. Bị đơn Công ty T3 có địa chỉ trụ sở tại Số B đường B, khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ: Ngày 01/01/2024, Công ty D1 và Công ty T3 ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 010124 – HDLL/TG. Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ được ký kết nêu trên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 117, 118, 119 của Bộ luật Dân sự nên đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo nội dung đã thỏa thuận.

[3] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thống nhất các nội dung:

Ngày 01/01/2024, Công ty D1 và Công ty T3 ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 010124 – HDLL/TG. Theo hợp đồng, Công ty D1 sẽ cung cấp dịch vụ bảo vệ cho Công ty T3 từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024; Công ty T3 có trách nhiệm thanh toán phí bảo vệ hàng tháng trong vòng 45 (bốn lăm) ngày kể từ khi nhận được hoá đơn tài chính do Công ty L1 hóa đơn hợp lệ. Nếu Công ty T3 vi phạm

nghĩa vụ thanh toán thì sẽ phải chịu lãi suất chậm thanh toán với mức 1.5%/tháng/phí dịch vụ/số ngày chậm thanh toán không đúng với quy định của Hợp đồng.

Hiện nay, Hợp đồng đã hết thời hạn và các bên không gia hạn hợp đồng. Phí bảo vệ 01 tháng là 42.500.000 đồng, gồm VAT 3.400.000 đồng (8%) tổng cộng là 45.900.000 đồng/tháng (từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024).

Công ty D1 có xuất hoá đơn giá trị gia tăng đầy đủ, đúng hạn cho Công ty T3. Công ty D1 đã xuất 12 hoá đơn cho Công ty T3.

Công ty T3 đã thanh toán cho Công ty D1 06 hoá đơn giá trị gia tăng đầu gồm: Hóa đơn số 00000100 ngày 31/01/2024; Hóa đơn số 00000248 ngày 29/02/2024; Hóa đơn số 00000404 ngày 30/3/2024; Hóa đơn số 00000473 ngày 27/4/2024; Hóa đơn số 00000689 ngày 31/5/2024; Hóa đơn số 00000835 ngày 29/6/2024.

Công ty T3 chưa thanh toán cho Công ty D1 06 hoá đơn giá trị gia tăng gồm: Hóa đơn số 00000963 ngày 31/7/2024; Hóa đơn số 00001135 ngày 31/8/2024; Hóa đơn số 00001276 ngày 30/9/2024; Hóa đơn số 00001424 ngày 31/10/2024; Hóa đơn số 00001566 ngày 30/11/2024; Hóa đơn số 00001688 ngày 30/12/2024;

Do các đương sự thống nhất và thừa nhận nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn chỉ đồng ý trả 265.400.000 đồng tiền gốc và trả vào ngày 30/6/2025, bị đơn không đồng ý trả tiền lãi. Lý do là thời điểm tháng 7/2024 bị đơn gặp khó khăn nên có xin nguyên đơn cho trả chậm, hai bên chỉ thoả thuận miệng không lập biên bản. Đến tháng 12/2024, trong quá trình Công ty D1 thực hiện hợp đồng bảo vệ thì có xảy ra các vụ việc trộm cắp. Công ty đã trình báo lên Đoàn công an khu công nghiệp Sóng Thần nên cần chờ kết quả điều tra mới có cơ sở thanh toán nốt cho nguyên đơn.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn xác định đã nộp đơn trình báo sự việc vào ngày 22/12/2024 (chủ nhật) nhân viên bảo vệ của Công ty D1 đã có sự phối hợp với công nhân của Công ty T3 thực hiện việc trộm cắp tài sản của Công ty T3 tới Đoàn công an khu công nghiệp Sóng T1 và đang chờ kết quả giải quyết. Cho đến nay sự việc chưa có kết luận điều tra của cơ quan công an. Tại phiên toà bị đơn xác định chỉ yêu cầu Cơ quan công an ngoài ra không yêu cầu cơ quan nào khác xem xét giải quyết việc mất trộm tài sản nêu trên.

Mục 5.1 Điều 5 của Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 010124 – HDLL/TG ngày 01/01/2024 quy định: 5.2. *Trường hợp xảy ra mất mát, trộm cắp hoặc hư hỏng tài sản của Bên A (tức Công ty T3), xuất phát từ sự thiếu trách nhiệm hoặc lỗi cố ý do nhân viên bảo vệ gây ra. Bên B (tức Công ty D1) sẽ bồi thường cho Bên A theo giá trị tài sản được thỏa thuận giữa hai bên khi có kết luận điều tra của cơ quan công an hay các cơ quan có thẩm quyền xác nhận là lỗi thuộc Bên B mà nguyên nhân không thuộc trách nhiệm của Bên A. Bên B sẽ không chịu trách nhiệm về các tài sản cá nhân như: máy tính xách tay, máy chụp ảnh, điện thoại di động, đồ trang sức, tiền, vàng và các tư trang cá nhân khác...*

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn không cung cấp được căn cứ để bị đơn được giữ lại phí dịch vụ bảo vệ khi xảy ra các vụ việc trộm cắp tại công ty;

bị đơn không cung cấp được cơ sở nào xác định việc trả tiền dịch vụ bảo vệ phụ thuộc vào việc bồi thường thiệt hại (nếu có).

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 010124 – HDLL/TG thì trường hợp xảy ra mất mát, trộm cắp xuất phát từ sự thiếu trách nhiệm hoặc lỗi cố ý do nhân viên bảo vệ gây ra như bị đơn trình bày thì khi có kết luận điều tra của cơ quan công an hay các cơ quan có thẩm quyền xác nhận là lỗi thuộc Công ty D1 thì Công ty D1 có trách nhiệm bồi thường. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được thì bị đơn có quyền khởi kiện vụ án khác để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Như vậy, việc trả tiền dịch vụ bảo vệ không phụ thuộc vào việc bồi thường thiệt hại (nếu có) và hiện nay cũng chưa có kết luận điều tra của cơ quan công an hay các cơ quan có thẩm quyền. Hơn nữa, theo trình bày và tài liệu bị đơn cung cấp thể hiện vụ việc trộm cắp tại công ty xảy ra vào ngày 22/12/2024 nhưng bị đơn đã không thanh toán phí dịch vụ bảo vệ cho nguyên đơn từ tháng 7, 8, 9, 10, 11/2024.

Do đó, việc bị đơn chỉ đồng ý trả phí dịch vụ số tiền 265.400.000 đồng và trả vào ngày 30/6/2025 là không có căn cứ chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn và bị đơn thống nhất tiền phí dịch vụ bảo vệ bị đơn còn nợ là 275.400.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 515; Khoản 3 Điều 518; Khoản 1 Điều 519 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về tiền lãi chậm thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn và bị đơn xác định Công ty D1 có xuất hoá đơn đầy đủ, đúng hạn cho Công ty T3.

Điều 306 Luật Thương mại quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

Mục 6.1 Điều 6 của Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 010124 – HDLL/TG ngày 01/01/2024 Công ty D1 và Công ty T3 thỏa thuận: “*Bên A (Công ty T3) có trách nhiệm thanh toán phí bảo vệ hàng tháng theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B (Công ty D1) trong vòng 45 (bốn lăm) ngày kể từ khi nhận được hoá đơn tài chính do Bên B cấp vào ngày 30 hàng tháng*”.

Mục 6.1 Điều 6 của Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 010124 – HDLL/TG ngày 01/01/2024 Công ty D1 và Công ty T3 thỏa thuận về việc trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ như sau: “*Bên B (Công ty D1) áp dụng lãi suất chậm thanh toán đối với hành vi Bên A (Công ty T3) vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Bên B với mức lãi suất 1.5%/tháng/phí dịch vụ/số ngày chậm thanh toán không đúng với quy định của Hợp đồng này*”.

Bị đơn cho rằng thời điểm tháng 7/2024 bị đơn gặp khó khăn nên có xin nguyên đơn cho trả chậm, hai bên chỉ thỏa thuận miệng không lập biên bản. Nguyên đơn không thừa nhận có thỏa thuận này nên trình bày của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Thoả thuận về việc trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ của hai công ty là phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, sau 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ khi nhận được hoá đơn tài chính do nguyên đơn cấp mà bị đơn không thanh toán thì phải chịu lãi theo thoả thuận. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi là có căn cứ chấp nhận, cụ thể:

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000963 ngày 31/7/2024, tính lãi từ ngày 15/09/2024 đến ngày 23/5/2025 (250 ngày), số lãi chậm trả là: $(1.5\% \times 45.900.000)/30 \times 250 = 5.737.500$ đồng;

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 00001135 ngày 31/8/2024, tính lãi từ ngày 15/10/2024 đến ngày 23/5/2025 (220 ngày), số tiền lãi chậm trả là: $(1.5\% \times 45.900.000)/30 \times 220 = 5.049.000$ đồng;

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 00001276 ngày 30/9/2024, tính lãi từ ngày 15/11/2024 đến ngày 23/5/2025 (189 ngày), số tiền lãi chậm trả là: $(1.5\% \times 45.900.000)/30 \times 189 = 4.337.550$ đồng;

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 00001424 ngày 31/10/2024, tính lãi từ ngày 15/12/2024 đến ngày 23/5/2025 (159 ngày), số tiền lãi chậm trả là: $(1.5\% \times 45.900.000)/30 \times 159 = 3.649.050$ đồng;

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 00001566 ngày 30/11/2024, tính lãi từ ngày 15/01/2025 đến ngày 23/5/2025 (128 ngày), số tiền lãi chậm trả là: $(1.5\% \times 45.900.000)/30 \times 128 = 2.937.600$ đồng;

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 00001688 ngày 30/12/2024, tính lãi từ ngày 15/02/2025 đến ngày 23/5/2025 (97 ngày), số tiền lãi chậm trả là: $(1.5\% \times 45.900.000)/30 \times 97 = 2.226.150$ đồng.

Tổng cộng, tiền lãi là: 23.936.850 đồng.

Đồng thời, Công ty D1 và Công ty T3 có thỏa thuận về việc trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ với mức lãi suất 1.5%/tháng/phí dịch vụ/số ngày chậm thanh toán. Nên căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty T3 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1.5%/tháng.

Từ các phân tích trên nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty D1 về tiền lãi là có cơ sở chấp nhận

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty T3 phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty D1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 30, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, 118, 119; Khoản 2 Điều 515; Khoản 3 Điều 518; Khoản 1 Điều 519 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 50, 55, 306 Luật Thương mại;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên D1 đối với bị đơn Công ty TNHH T2.

1.1. Buộc Công ty TNHH T2 thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên D1 số tiền dịch vụ bảo vệ còn nợ theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 010124 – HDLL/TG ngày 01/01/2024, tính đến ngày 23/5/2025 là 299.336.850 (Hai trăm chín mươi chín triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng), gồm:

- Tiền phí bảo vệ còn nợ là: 275.400.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Lãi chậm thanh toán tính đến ngày 23/5/2025 là 23.936.850 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng), cụ thể:

+ Tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000963 ngày 31/7/2024 là 5.737.500 đồng;

+ Tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 00001135 ngày 31/8/2024 là 5.049.000 đồng;

+ Tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 00001276 ngày 30/9/2024 là: 4.337.550 đồng;

+ Tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 00001424 ngày 31/10/2024 là 3.649.050 đồng;

+ Tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 00001566 ngày 30/11/2024 là 2.937.600 đồng;

+ Tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 00001688 ngày 30/12/2024 là 2.226.150 đồng.

1.2. Kể từ ngày 24/5/2025 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1.5%/tháng.

2. Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH T2 phải chịu 14.966.843 đồng (Mười bốn triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Một thành viên D1 số tiền 7.044.503 đồng (Bảy triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm lẻ ba đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007803 ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hải Nam